

Số: 10/2010/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2010



**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí  
thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 80/2008/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn lệ phí quốc tịch, lệ phí hộ tịch đối với người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định và có nguyện vọng xin nhập Quốc tịch Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 68/2010/TT - BTC ngày 26 tháng 4 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét Tờ trình số 28/TTr - UBND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 và Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 23/BC - KTNS<sub>16</sub> ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 và Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua, ngày 21 tháng 7 năm 2010./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CV.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Sáng Vang**



## PHỤ LỤC

### Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh

(Kèm theo Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của HĐND tỉnh)

#### I - Sửa đổi, bổ sung Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Đối tượng nộp phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất tại điểm 2 Mục I Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

"- Đối tượng nộp phí: Áp dụng đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất. Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng đối với cả trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất.

Không áp dụng đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư đang sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai."

2. Sửa đổi, bổ sung mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô quy định tại điểm 1, điểm 2 và bổ sung điểm 3 mức thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô cả ngày và đêm vào mục XI phần A Danh mục mức thu một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

Số TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	
			Nơi trông, giữ không có mái che kiên cố	Nơi trông, giữ có mái che kiên cố
1	Trông giữ ban ngày			
	- Xe đạp	đồng/lượt	500	1.000
	- Xe máy	đồng/lượt	1.000	2.000
	- Xe Ô tô			
	+ Xe con, xe du lịch, xe ca dưới 16 chỗ ngồi, xe tải dưới 1,5 tấn	đồng/lượt	7.000	10.000
	+ Xe du lịch, xe ca từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 1,5 tấn trở lên và các loại máy thi công.	đồng/lượt	10.000	15.000

2	Trông giữ ban đêm			
	- Xe đạp	đồng/lượt	1.000	2.000
	- Xe máy	đồng/lượt	2.000	3.000
	- Xe Ô tô			
	+ Xe con, xe du lịch, xe ca dưới 16 chỗ ngồi, xe tải dưới 1,5 tấn	đồng/lượt	15.000	20.000
	+ Xe du lịch, xe ca từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 1,5 tấn trở lên và các loại máy thi công.	đồng/lượt	20.000	30.000
3	Trông giữ cả ngày và đêm			
	- Xe đạp	đồng/lượt		3.000
	- Xe máy	đồng/lượt		5.000
	- Xe Ô tô			
	+ Xe con, xe du lịch, xe ca dưới 16 chỗ ngồi, xe tải dưới 1,5 tấn	đồng/lượt	20.000	30.000
	+ Xe du lịch, xe ca từ 16 chỗ ngồi trở lên, xe tải từ 1,5 tấn trở lên và các loại máy thi công.	đồng/lượt	30.000	40.000

3. Bổ sung đối tượng miễn lệ phí hộ tịch quy định tại tiết 1.1 khoản 1 Mục II Quy định mức thu, đối tượng thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2006/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

*"Miễn lệ phí hộ tịch đối với người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp giấy phép cư trú ổn định và có nguyện vọng xin nhập quốc tịch Việt Nam."*

## **II - Sửa đổi nội dung Phụ lục I Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

Sửa đổi nội dung điểm a, mục 2, Phụ lục I *Quy định mức thu một số khoản phí và lệ phí theo phân cấp của Chính phủ*, ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2008/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang, như sau:

"a) Tỷ lệ thu lệ phí trước bạ áp dụng 10% (mười phần trăm) đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) *không phân biệt xe cũ hay xe mới; đăng ký lần đầu hay lần thứ hai.*"

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14**